

MARKET INSIGHTS REPORTS

24/6/2022

CHỜ ĐỢI CÚ XÁC NHẬN FTD

NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng và thấp hơn mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng giao dịch tăng không ủng hộ chỉ số.

Các điểm cần lưu ý: (i) Dòng tiền chưa tăng theo đà tăng của thị trường cho thấy vẫn có sự nghi ngại và áp lực chốt lời T+ cũng xuất hiện trong ngày. Có lẽ nhiều nhà đầu tư đang chờ đợi ngày FTD. (ii) Thị trường đang quan sát để xác định dòng có khả năng trở thành nhóm dẫn dắt mới.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 08 mã cho tín hiệu mua, 00 mã cho tín hiệu bán, 22 mã cho tín hiệu đi ngang. BID, BVH, PNJ, VNM... giao dịch tốt.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 58.62% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ tăng điểm vào ngày đầu tuần. Kháng cự là mốc 1,250 điểm và hỗ trợ là 1,150 điểm.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

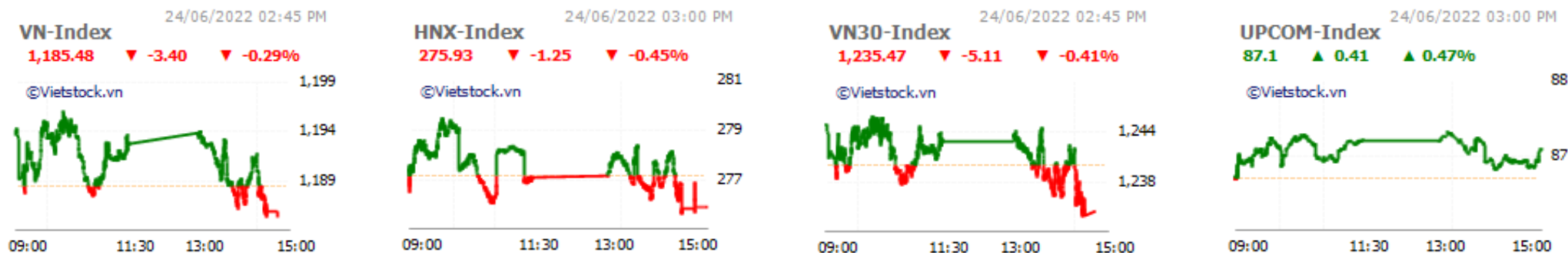
Biểu đồ trong ngày:

- Mức độ điều chỉnh của các TTCK trên thế giới từ mức cao 52 tuần;
- Hiệu suất sinh lời của các loại tài sản;

TTCK Mỹ: Dự báo TTCK Mỹ sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	549
Số cổ phiếu không có giao dịch	25
Số cổ phiếu tăng giá	244 / 42.51%
Số cổ phiếu giảm giá	239 / 41.64%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	91 / 15.85%

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	242
Số cổ phiếu không có giao dịch	106
Số cổ phiếu tăng giá	115 / 33.05%
Số cổ phiếu giảm giá	70 / 20.11%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	163 / 46.84%

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	444
Số cổ phiếu không có giao dịch	419
Số cổ phiếu tăng giá	230 / 26.65%
Số cổ phiếu giảm giá	120 / 13.90%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	513 / 59.44%

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	27,562,400	32,970,800	-5,408,400
% KL toàn thị trường	5,76%	6,89%	
Giá trị	897,83 tỷ	980,56 tỷ	-82,73 tỷ
% GT toàn thị trường	10,59%	11,57%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,653,320	271,700	1,381,620
% KL toàn thị trường	2,77%	0,45%	
Giá trị	14,57 tỷ	9,09 tỷ	5,48 tỷ
% GT toàn thị trường	1,88%	1,18%	

UPCOM

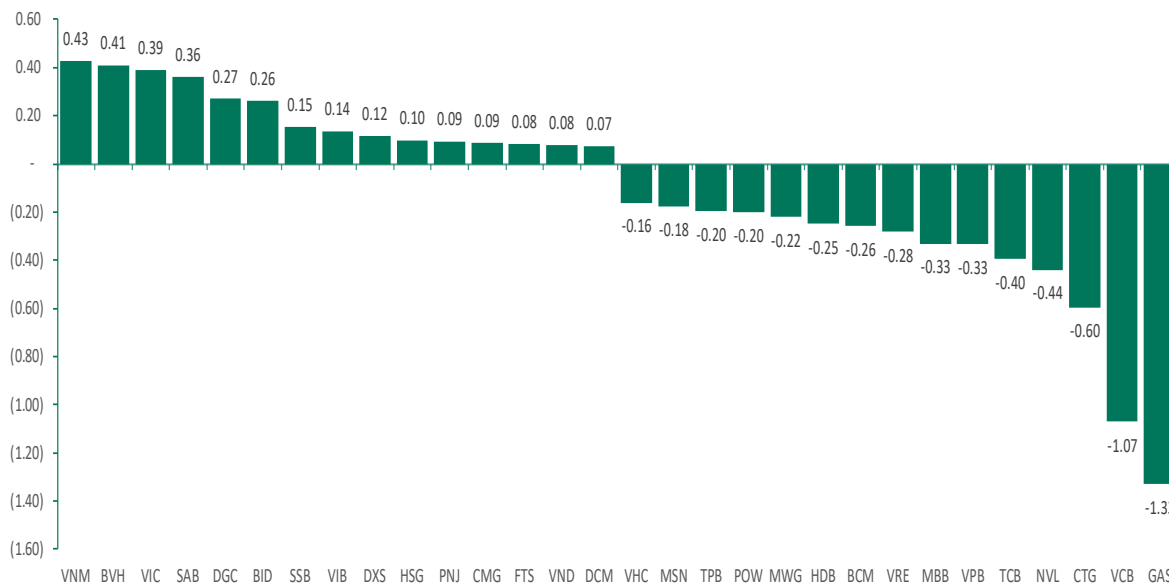
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,829,000	1,529,900	299,100
% KL toàn thị trường	3,29%	2,75%	
Giá trị	58,84 tỷ	37,81 tỷ	21,02 tỷ
% GT toàn thị trường	9,58%	6,15%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

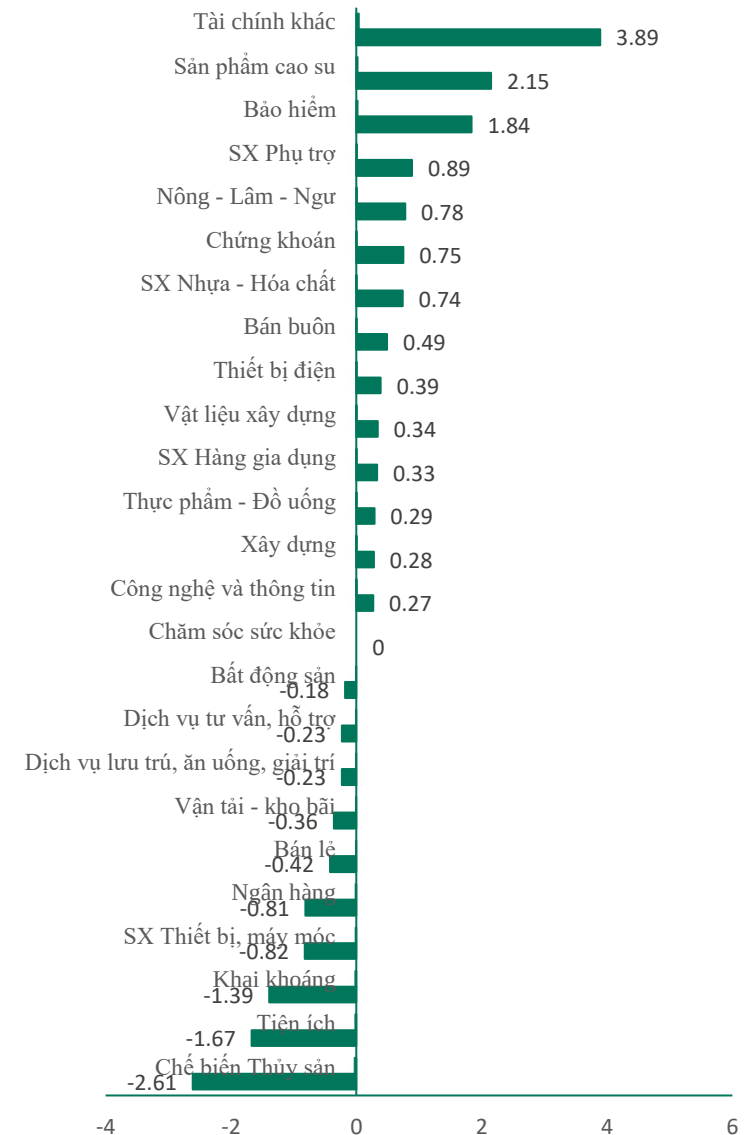
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	648,600	75,000	-900 (-1.19%)	17.88	3.03	4,195	354,939
2	VIC	1,514,800	74,600	400 (0.54%)	(108.91)	2.11	(685)	284,520
3	VHM	2,256,500	63,200	0 (0%)	7.01	2.02	9,015	275,196
4	GAS	806,000	114,000	-2,800 (-2.4%)	26.17	3.92	4,356	218,190
5	BID	1,328,200	31,200	200 (0.65%)	18.05	1.76	1,729	157,826
6	MSN	543,000	109,500	-500 (-0.45%)	15.06	4.24	7,269	155,898
7	VNM	1,684,400	71,500	800 (1.13%)	15.83	4.27	4,517	149,432
8	NVL	3,884,600	74,000	-900 (-1.2%)	40.68	3.32	1,819	144,284
9	VPB	3,607,300	28,150	-300 (-1.05%)	10.63	1.31	2,647	125,140
10	TCB	2,969,100	35,500	-450 (-1.25%)	6.91	1.26	5,137	124,637

TOP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Mô hình hai đáy đang dần hình thành

Diễn biến thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 3.40 điểm (- 0.29%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Tài chính khác, sản phẩm cao su, bảo hiểm, sản xuất phụ trợ, nông lâm ngư là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như IPA, OGC, TVC, CSM, DRC, BVH, BMI, HHC, PNJ, PTB, ASM, APC, BAF ... Các điểm đáng chú ý trong nhóm ngành này như sau: (i) BVH gần đây giao dịch tốt nhất trong nhóm ngành bảo hiểm. Hiện đồ thị kỹ thuật BVH có mẫu hình đẹp với mô hình hai đáy, phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều. Kháng cự hiện tại sẽ là vùng giá 56.5 (Đường viền cổ của mô hình hai đáy) và nếu có “Break out” thì cũng sẽ xác nhận quay trở lại xu hướng tăng giá trung hạn. (ii) PNJ tăng giá trở lại sau thông tin lũy kế 5T doanh thu thuần đạt mức 15,583 tỷ đồng và lợi nhuận ròng đạt mức 1,006 tỷ đồng. Dự kiến năm 2022, PNJ sẽ có doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt là 28,800 tỷ đồng và 1,852 tỷ đồng. $EPS^{2022} = 7,643$ đ.

(2) Chế biến thủy sản, tiện ích, khai khoáng, sản xuất thiết bị, máy móc, ngân hàng là nhóm giảm giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như VHC, IDI, ANV, ACL, GAS, PGC, PGS, PVG, PVD, PVS, CNG, THI, LPB, STB, VPB, TCB... Các điểm cần lưu ý ở nhóm ngành này: (i) Chế biến thủy sản, tiện ích, khai khoáng vốn là nhóm tăng giá mạnh trong giai đoạn điều chỉnh giảm vừa qua và giờ giao dịch bắt đầu yếu đi. Có hai lý do chính: (a) Nhóm này tăng giá mạnh và các nhóm ngành khác lại điều chỉnh mạnh nên nhu cầu đảo dòng dò đáy tăng lên và tạo áp lực cung lớn hơn. (b) Giá dầu điều chỉnh giảm trong tuần 2% cũng khiến nhóm dầu khí vốn có Beta cao với giá dầu cũng điều chỉnh giảm theo. Trong ngắn hạn có lẽ hiệu suất sinh lời ba nhóm ngành này sẽ vẫn hạn chế. (ii) Nhóm ngân hàng vẫn tái diễn xu hướng cũ: Giảm thì tăng trở lại cân bằng sau đó lại điều chỉnh nhẹ. Về cơ bản nhóm này đang chờ tin tức cấp room tín dụng mới trong tháng 7. Chúng tôi cũng đang chờ các thông tin chính thức để tính toán lại lợi nhuận của ngành. Chúng tôi có thêm thông tin cập nhật về MBB trong 5T/2022 như sau: LNTT 5 tháng đầu năm 2022 của Ngân hàng mẹ đạt 8 nghìn tỷ đồng (Q1/2022: 5,1 nghìn tỷ đồng) và LNTT hợp nhất đạt 9 nghìn tỷ đồng (Q1/2022: 5,9 nghìn tỷ đồng). Tỷ lệ NIM vẫn tăng dần trong 5 tháng đầu năm 2022 nhờ chi phí huy động và lợi suất cho vay được kiểm soát tốt. Ngoài ra, tăng trưởng tín dụng đã đạt đến hạn mức được giao ban đầu là 15% và ban lãnh đạo kỳ vọng sẽ nhận được hạn mức tín dụng mới vào tháng 7. Ban lãnh đạo cho biết nợ xấu đã tăng nhẹ nhưng vẫn đang được kiểm soát tốt.

(3) Nhóm thị giá thấp dưới 5,000 đ có xu hướng điều chỉnh trong ngày nhưng họ FLC vẫn tăng trần. Chúng tôi đã chia sẻ trong báo cáo ngày hôm trước về hiện tượng này. Khả năng FLC vẫn được nhà đầu tư đẩy mạnh mua vào do xuất hiện các tin đồn về giao dịch thầu tôm (Không phải là thông tin gì mới vì suốt giai đoạn đi xuống vừa qua tin này liên tục xuất

hiện). Rủi ro của FLC chính là việc không có đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính dẫn tới việc sẽ bị hủy niêm yết bắt buộc.

Phân tích kỹ thuật

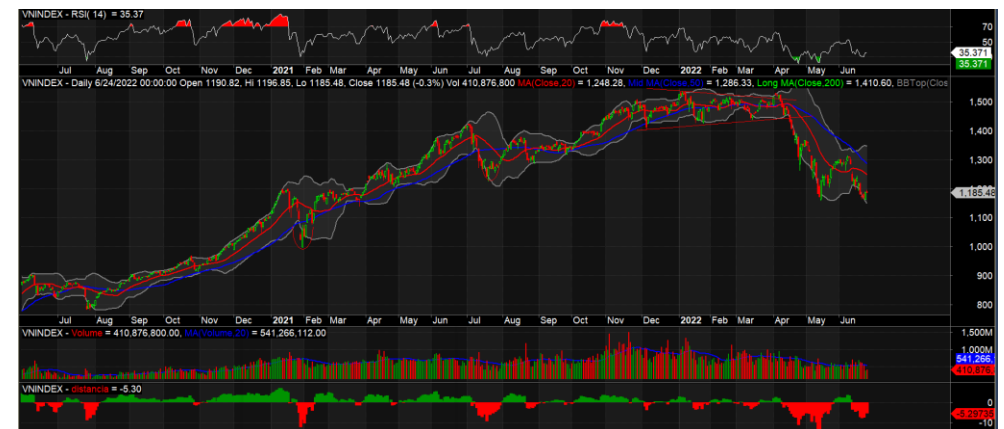
VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng nhưng và thấp hơn mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng giao dịch tăng không ủng hộ chỉ số.

Các điểm cần lưu ý: (i) Dòng tiền chưa tăng theo đà tăng của thị trường cho thấy vẫn có sự nghi ngại và áp lực chốt lời T+ cũng xuất hiện trong ngày. Có lẽ nhiều nhà đầu tư đang chờ đợi ngày FTD. (ii) Thị trường đang quan sát để xác định dòng có khả năng trở thành nhóm dẫn dắt mới.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 08 mã cho tín hiệu mua, 00 mã cho tín hiệu bán, 22 mã cho tín hiệu đi ngang. BID, BVH, PNJ, VNM... giao dịch tốt.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 58.62% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ tăng điểm vào ngày đầu tuần. Kháng cự là mốc 1,250 điểm và hỗ trợ là 1,150 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	490.84	492.85	488.84	NO	494.86	502.88	506.9	514.92	482.82	478.8	470.78	466.76
HNXINDEX	277	277.53	276.46	NO	278.42	280.91	282.33	284.82	274.51	273.09	270.6	269.18
UPINDEX	87.04	87.01	87.07	YES	87.39	87.69	88.04	88.34	86.74	86.39	86.09	85.74
VN30	1236.83	1237.52	1236.15	YES	1244.86	1254.24	1262.27	1271.65	1227.45	1219.42	1210.04	1202.01
VNINDEX	1189.27	1191.17	1187.38	NO	1193.06	1200.64	1204.43	1212.01	1181.69	1177.9	1170.32	1166.53
VNXALL	1931.23	1934.05	1928.41	NO	1936.88	1948.18	1953.83	1965.13	1919.93	1914.28	1902.98	1897.33
VN30F1M	1230.3	1231.95	1228.65	NO	1234.6	1242.2	1246.5	1254.1	1222.7	1218.4	1210.8	1206.5
VN30F1Q	1230.33	1232.7	1227.97	NO	1235.07	1244.53	1249.27	1258.73	1220.87	1216.13	1206.67	1201.93
VN30F2M	1228.77	1230.6	1226.93	NO	1232.43	1239.77	1243.43	1250.77	1221.43	1217.77	1210.43	1206.77
VN30F2Q	1231.3	1232.95	1229.65	NO	1234.6	1241.2	1244.5	1251.1	1224.7	1221.4	1214.8	1211.5
ACB	23.77	23.75	23.78	YES	24.03	24.27	24.53	24.77	23.53	23.27	23.03	22.77
BID	31.52	31.67	31.36	NO	31.93	32.67	33.08	33.82	30.78	30.37	29.63	29.22
BVH	54.33	54.1	54.57	NO	55.97	57.13	58.77	59.93	53.17	51.53	50.37	48.73
CTG	24.98	25.1	24.87	NO	25.27	25.78	26.07	26.58	24.47	24.18	23.67	23.38
FPT	86.27	86.65	85.88	NO	87.03	88.57	89.33	90.87	84.73	83.97	82.43	81.67
GVR	22.88	22.95	22.82	NO	23.17	23.58	23.87	24.28	22.47	22.18	21.77	21.48
GAS	115.17	115.75	114.58	NO	116.53	119.07	120.43	122.97	112.63	111.27	108.73	107.37
HDB	23.33	23.5	23.17	NO	23.67	24.33	24.67	25.33	22.67	22.33	21.67	21.33
HPG	22	22.1	21.9	NO	22.3	22.8	23.1	23.6	21.5	21.2	20.7	20.4
KDH	38.35	38.3	38.4	NO	38.8	39.15	39.6	39.95	38	37.55	37.2	36.75
MBB	23.87	23.95	23.78	NO	24.03	24.37	24.53	24.87	23.53	23.37	23.03	22.87
MSN	109.4	109.35	109.45	YES	110.3	111.1	112	112.8	108.6	107.7	106.9	106
MWG	72.27	72.45	72.08	NO	73.13	74.37	75.23	76.47	71.03	70.17	68.93	68.07
NVL	73.93	73.9	73.97	YES	75.87	77.73	79.67	81.53	72.07	70.13	68.27	66.33
PDR	52.33	52.25	52.42	NO	52.97	53.43	54.07	54.53	51.87	51.23	50.77	50.13
PLX	40.87	40.9	40.83	YES	41.23	41.67	42.03	42.47	40.43	40.07	39.63	39.27
POW	13.72	13.8	13.63	NO	13.88	14.22	14.38	14.72	13.38	13.22	12.88	12.72
PNU	121.77	121.65	121.88	YES	124.23	126.47	128.93	131.17	119.53	117.07	114.83	112.37
SAB	154.53	154	155.07	NO	156.87	158.13	160.47	161.73	153.27	150.93	149.67	147.33
SSI	18.68	18.73	18.64	NO	19.02	19.43	19.77	20.18	18.27	17.93	17.52	17.18
STB	21.35	21.42	21.28	NO	21.65	22.1	22.4	22.85	20.9	20.6	20.15	19.85
TCB	35.7	35.8	35.6	NO	35.9	36.3	36.5	36.9	35.3	35.1	34.7	34.5
TPB	26.22	26.33	26.11	NO	26.43	26.87	27.08	27.52	25.78	25.57	25.13	24.92
VCB	75.3	75.45	75.15	NO	76	77	77.7	78.7	74.3	73.6	72.6	71.9
VHM	63.37	63.45	63.28	NO	63.63	64.07	64.33	64.77	62.93	62.67	62.23	61.97
VIC	73.73	73.3	74.17	NO	75.47	76.33	78.07	78.93	72.87	71.13	70.27	68.53
VJC	127.93	127.75	128.12	NO	129.37	130.43	131.87	132.93	126.87	125.43	124.37	122.93
VPB	28.35	28.45	28.25	NO	28.55	28.95	29.15	29.55	27.95	27.75	27.35	27.15
VNM	71.77	71.9	71.63	NO	72.63	73.77	74.63	75.77	70.63	69.77	68.63	67.77
VRE	27.83	27.97	27.69	NO	28.12	28.68	28.97	29.53	27.27	26.98	26.42	26.13

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
PAS	2,260,400	904,560	250	8.43
PVX	5,866,800	675,400	869	-11.9
LMH	1,185,800	576,030	206	5.62
HVG	2,349,100	504,510	466	-9.09
NDN	1,625,400	438,470	370.7	3.88
DCS	1,047,100	425,980	246	-5.88
KHB	1,157,500	421,550	275	-7.41
HDA	1,139,900	403,870	282.24	9.62
AVF	981,900	270,700	363	0
TNT	569,800	229,200	249	3.9
KSH	1,210,200	194,820	621.19	0
ACM	293,000	134,510	218	-6.67
OCH	738,900	123,420	599	-9.09
PPI	718,600	114,060	630	-7.69
DPS	1,011,200	99,710	1,014	-9.09
GTT	894,700	82,920	1078.99	0
SGO	588,400	79,840	737	0
TID	166,300	73,610	226	8.2
CSM	206,300	60,390	342	6.16
NHP	410,700	57,430	715	-8.33
DIC	635,100	55,120	1152.21	-4.55
PVV	266,400	45,290	588	0
SPP	175,200	43,590	402	-10
HLA	558,000	42,070	1,326	0
NTB	334,500	41,860	799	0
HKB	311,600	40,490	769.57	0
FDG	369,600	32,000	1,155	-11.11
MPT	631,500	30,750	2,054	-6.67
CLG	261,800	29,750	880	-14.29
VAT	420,900	27,140	1,551	-11.11
PVR	139,600	26,320	530	-4.35
VMI	107,700	26,180	411	0
PVE	89,000	23,640	376	10.53
ATG	222,000	22,830	972	0
KHL	123,400	19,940	619	5.26
TKC	156,000	19,440	802	-2.9
FUEMAV30	60,500	18,850	321	-0.34
NVB	43,600	18,510	236	-1.52
G20	193,100	18,420	1,048	-9.09
MCM	44,300	16,250	273	-0.45

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: TCM, BII, HDA ... bùng nổ khối lượng giao dịch .

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
23-Jun	GAS	Mua	≤ 117.5	10% -20%	Buy Kumo Break
23-Jun	MWG	Mua	≤ 73.5	10% -20%	Buy Kumo Break
23-Jun	CTR	Mua	≤ 65	10% -20%	Mô hình hai đáy nhỏ/ Màng B2C tăng trưởng vượt bậc với gần 700 hợp đồng được ký kết trong 6T/2022
23-Jun	CTG	Mua	≤ 25.5	10% -20%	Mô hình hai đáy lớn/ Phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều/ Khối ngoại mua ròng

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi KHÔNG mở mua cổ phiếu mới nào.
- Thị trường giao dịch tạo thành mẫu hình BIG W. Mô hình sinh 3 đang xác nhận xu hướng tạo đáy ngắn hạn của thị trường.
- Các mã VN30 có mẫu hình giao dịch tốt và có thể thúc đẩy chỉ số tăng điểm tốt hơn vào phiên đầu tuần qua đó giúp cởi bỏ tâm lý bi quan.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị phần lớn đều đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
 - Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
 - Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
 - Đặt mức dừng lỗ 10% ;

Hiệu suất sinh lời của các loại tài sản

Chart 14: Commodities top returning asset class YTD
Ranked cross asset returns by year since 2000

2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Commodities 58.2%	US Treasuries 6.7%	Commodities 39.0%	MSCI EM 36.3%	REITs 32.2%	MSCI EA 30.6%	REITs 37.4%	MSCI EM 39.6%	US Treasuries 14.6%	MSCI EM 18.0%	Gold 29.2%	US Treasuries 8.8%	REITs 23.8%	S&P 500 32.4%	MSCI EAFE 13.1%	S&P 500 34.0%	Commodities 17.6%	MSCI EM 18.6%	Gold 1.8%	S&P 500 31.5%	Global HY 24.4%	Commodities 46.2%	Commodities 48.8%
US Treasuries 13.4%	Global GI 4.6%	23.6%	MSCI EAFE 19.2%	28.1%	33.7%	Commodities 32.6%	Commodities 33.0%	4.3%	Global HY 62.0%	MSCI EM 19.2%	8.1%	Global HY 18.1%	MSCI EAFE 23.3%	11.7%	REITs 6.8%	Global HY 14.6%	US Treasuries 25.9%	0.8%	REITs 27.4%	S&P 500 16.3%	33.2%	0.2%
REITs 8.5%	Cash 4.4%	Global GI 14.9%	REITs 33.0%	MSCI EM 36.2%	Gold 17.8%	MSCI EAFE 31.9%	3.1%	2.1%	MSCI EAFE 32.0%	REITs 15.9%	4.5%	Global HY 18.8%	MSCI EM 8.0%	US Treasuries 6.6%	Cash 0.1%	S&P 500 12.0%	S&P 500 22.0%	Global HY -1.9%	MSCI EAFE 22.9%	MSCI EM 15.8%	S&P 500 26.9%	0.1%
Cash 6.2%	Global HY 3.1%	US Treasuries 11.6%	Commodities 30.1%	MSCI EAFE 20.7%	MSCI EAFE 19.4%	Gold 21.2%	MSCI EAFE 21.1%	Global GI 4.3%	REITs 37.1%	S&P 500 1.1%	Global HY 7.3%	MSCI EAFE 17.9%	REITs 6.7%	Global GI 3.2%	US Treasuries 9.4%	MSCI EM 11.2%	0.0%	Global HY 3.3%	Commodities 20.1%	Global GI 10.3%	MSCI EAFE 8.9%	US Treasuries -26.2%
Global GI 2.1%	Gold -0.7%	Cash 1.8%	Global HY 30.7%	Global HY 12.4%	REITs 16.7%	S&P 500 15.8%	6.1%	Global HY -27.8%	S&P 500 25.5%	Global HY 13.5%	2.4%	S&P 500 16.0%	Global GI 0.1%	3.1%	Gold -3.4%	REITs 8.8%	Global HY 11.5%	REITs -3.4%	US Treasuries 16.6%	Global HY 1.4%	Global GI -5.1%	Global GI -0.1%
Gold -6.4%	REITs -2.4%	Global HY -1.1%	S&P 500 28.7%	S&P 500 10.5%	Global HY 4.9%	Global HY 13.5%	7.3%	-37.0%	Commodities 26.1%	Commodities 13.3%	0.1%	Global GI 11.1%	0.1%	0.0%	Cash -3.8%	Global GI 4.3%	Global HY 16.2%	REITs -3.9%	REITs 17.3%	Global HY 8.0%	Gold -15.6%	Global GI -0.0%
Global HY -6.8%	REITs -2.8%	REITs -2.4%	Global GI 18.9%	Global GI 9.4%	Global GI 3.1%	Global GI 7.2%	S&P 500 9.5%	Commodities -42.6%	Gold Commodities 25.0%	Gold 8.7%	-2.6%	Gold Commodities 8.3%	REITs 2.1%	Global GI -0.1%	Global GI -4.2%	REITs 1.3%	Global HY 9.3%	S&P 500 -4.3%	Global HY 13.7%	US Treasuries 5.4%	Global GI -2.4%	Global GI -9.4%
S&P 500 -9.1%	S&P 500 -11.9%	Global GI 6.0%	Global GI 14.0%	Global GI 6.8%	US Treasuries 2.9%	Cash 4.9%	Cash 5.0%	MSCI EAFE -50.1%	Global GI 19.2%	Global GI 8.0%	REITs 6.4%	US Treasuries 2.2%	MSCI EM 0.3%	Global GI -8.9%	US Treasuries -10.4%	US Treasuries 1.7%	Commodities 7.6%	Commodities -13.1%	Global GI 11.4%	Cash 0.5%	Global GI -3.3%	MSCI EAFE -50.3%
MSCI EAFE -14.0%	MSCI EAFE -21.2%	MSCI EAFE -15.7%	US Treasuries 2.3%	US Treasuries 1.5%	US Treasuries 3.1%	US Treasuries 3.3%	US Treasuries 3.0%	Cash -96.2%	US Treasuries 0.2%	US Treasuries 5.5%	Global GI -11.7%	Cash 0.1%	US Treasuries -3.3%	Global GI -4.5%	MSCI EAFE -14.5%	MSCI EAFE 1.0%	US Treasuries 2.4%	REITs -13.2%	US Treasuries 7.5%	REITs -7.8%	Gold -4.1%	Global GI -27.1%
MSCI EM -30.6%	Global GI -21.4%	Global GI -22.1%	Cash 1.1%	Global GI 1.3%	Global GI -3.0%	-0.2%	-10.0%	-63.2%	US Treasuries -3.7%	Global GI 0.1%	-18.2%	Global GI -4.3%	Global GI -27.3%	Commodities -29.3%	Commodities -29.4%	Cash 0.3%	Cash 0.8%	Global GI -14.3%	Global GI 2.2%	Global GI -13.9%	Commodities -4.6%	Global GI -21.8%

Source: BofA Global Investment Strategy, Bloomberg. *2022 YTD

BVA GLOBAL RESEARCH

TTCK MỸ: TTCK Mỹ sẽ đi lên trong ngắn hạn ?

Trái phiếu tìm thấy hỗ trợ ?

Chỉ số Tâm lý Người tiêu dùng của Đại học Michigan cho thấy kỳ vọng lạm phát giảm, điều này đã thúc đẩy phe bỏ giảm bớt kỳ vọng về việc Fed tăng lãi suất mạnh mẽ hơn. Đột nhiên, quỹ tương lai của Fed đang định giá trong việc cắt giảm lãi suất vào đầu tháng Hai năm sau. Tất nhiên, với một thị trường chỉ phụ thuộc vào Cục Dự trữ Liên bang để hỗ trợ giá, không có gì ngạc nhiên khi chúng kiến một đợt phục hồi khá mạnh với dự đoán về sự trở lại của “lãi suất bằng không” và “Q.E.” Tuy nhiên, trước khi bạn quá phấn khích, các thị trường còn rất nhiều công việc phía trước để sửa chữa những hư hỏng kỹ thuật đã gây ra cho đến nay trong năm nay. Mặc dù cuộc biểu tình diễn hiện tại có lẽ tới từ việc có quá nhiều nhà đầu tư bị quan và có một tuần yên tĩnh phía trước. Khối lượng giao dịch nhẹ và một loạt các khoảng trống sẽ cung cấp lực cản mạnh mẽ cho một đợt tăng trong tuần tới. Tuy nhiên, tuần tới là đợt tái cân bằng cuối quý, có thể hỗ trợ một đợt tăng tiếp tục với nhiều nhà quản lý.

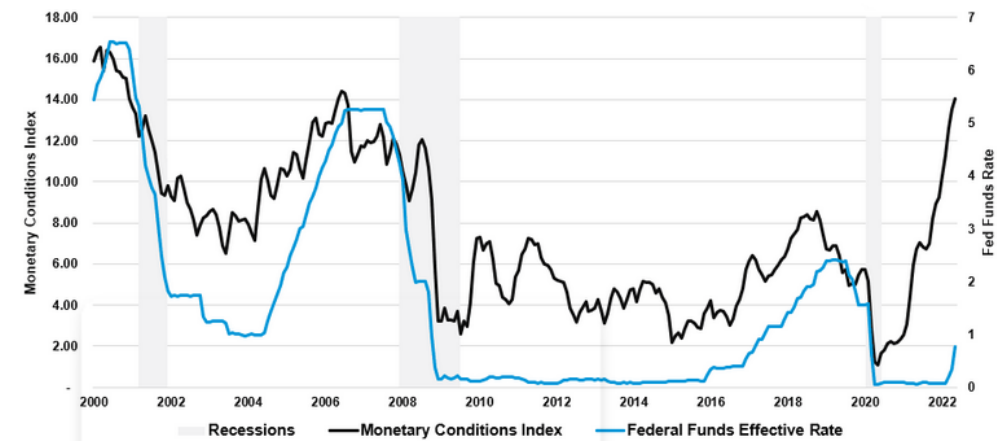


Fed loại bỏ rủi ro suy thoái

Tuần trước, Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Jerome Powell đã điều trần trước các thượng nghị sĩ khi ngân hàng trung ương đang bị giám sát vì nỗ lực chống lạm phát tăng vọt với lãi suất tăng trong khi không đẩy nền kinh tế vào suy thoái. Như Powell đã tuyên bố: “Chúng tôi hiểu toàn bộ phạm vi của vấn đề và chúng tôi đang sử dụng các công cụ của mình để giải quyết vấn đề này một cách khá mạnh mẽ. Ổn định giá thực sự là nền tảng của nền kinh tế. Chúng tôi có cả những công cụ chúng tôi cần và giải pháp sẽ cần để khôi phục sự ổn định giá cả thay mặt cho các gia đình và doanh nghiệp Mỹ”.

Nói một cách đơn giản hơn, bằng cách tăng chi phí đi vay, Fed có thể tác động đến lạm phát bằng cách làm chậm nhu cầu. Vấn đề là Fed hoạt động trong một “bong bóng”, tin rằng những thay đổi chính sách của họ là yếu tố duy nhất tác động đến lạm phát hoặc nền kinh tế. Nếu đúng như vậy, có thể tăng lãi suất, giảm lạm phát và tránh suy thoái. Tuy nhiên, điều đó hầu như không xảy ra. Kể từ đầu năm nay, khi Fed đang thảo luận về kế hoạch thắt chặt chính sách tiền tệ, thị trường chứng khoán, lãi suất và lạm phát đã thắt chặt chính sách tiền tệ trước Fed một cách hiệu quả. Như đã thể hiện, chính sách tiền tệ hiệu quả hiện đang thắt chặt hơn đáng kể. (Chỉ số này bao gồm tỷ giá ngắn hạn ảnh hưởng đến tiêu dùng. Tỷ giá dài hạn ảnh hưởng đến chi tiêu vốn và thế chấp và lạm phát.)

Monetary Policy Conditions Index



Kết luận: Dự báo TTCK Mỹ sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769